

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-CDYT ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị)

Ngành, nghề:	Điều dưỡng
Mã ngành, nghề:	6720301
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp trung học phổ thông
Thời gian khoá học:	03 năm

1. Giới thiệu chương trình:

Điều dưỡng trình độ cao đẳng là ngành nghề trực tiếp chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng cả về thể chất, tinh thần và xã hội. Đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm nghề Điều dưỡng là người đảm nhận việc chăm sóc, theo dõi, hỗ trợ nhằm cải thiện tình trạng sức khỏe của người bệnh trong suốt quá trình trị liệu. Phạm vi công việc của điều dưỡng khác nhau tùy theo các vị trí việc làm được giao. Tuy nhiên, công việc chủ yếu trọng tâm, chủ yếu là điều dưỡng: Tiếp đón, hành chính, chăm sóc, phục hồi chức năng, dinh dưỡng - tiết chế, chăm sóc cộng đồng.

Để hành nghề, người điều dưỡng phải có sức khỏe tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có lương tâm, có đủ kiến thức về chính trị, pháp luật, chuyên môn và kỹ năng giao tiếp đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, tôn trọng, chia sẻ và cảm thông trong mọi tình huống của người bệnh.

Chương trình đào tạo Cao đẳng ngành Điều dưỡng quy định cụ thể về nội dung và khối lượng kiến thức, kỹ năng; tỷ lệ giữa lý thuyết - thực hành; gồm 110 tín chỉ, được thực hiện trong 3 năm và chia làm 6 học kỳ chính. Chương trình bao gồm các môn học/mô đun chung, cơ sở, chuyên ngành, nâng cao. Chương trình được cấu trúc thành một hệ thống hoàn chỉnh và phân bố hợp lý về thời gian, phù hợp về tổ chức đào tạo đặc thù ngành Điều dưỡng, cụ thể theo tiến trình đào tạo: Lý thuyết - Thực hành - Thực tập - Thực tế tốt nghiệp. Đáp

ứng chuẩn đầu ra tiếp cận và đảm nhiệm được ngay các vị trí việc làm cụ thể về chăm sóc sức khỏe được giao.

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng có y đức, có đủ kiến thức về chuyên môn, chính trị, pháp luật và kỹ năng giao tiếp đáp ứng với vị trí việc làm.

Người điều dưỡng cần phải thường xuyên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cần cù, chịu khó, chuyên nghiệp và trách nhiệm trước người bệnh.

Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo quy định của Luật Khám chữa, các quy trình, quy chế chuyên môn.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Kiến thức:

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh.

- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh.

- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn.

- Trình bày được kiến thức về vi sinh - ký sinh trùng để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm, từ đó lập kế hoạch phòng bệnh.

- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện.

- Phân tích được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2. Kỹ năng:

- Nhận định được chính xác tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh.

- Phân loại được chính xác tình trạng người bệnh khi đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên và thực hiện xử trí phù hợp.

- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc phù hợp cho từng người bệnh.

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản 1 và 2.

- Phụ giúp được bác sỹ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh đúng kỹ thuật;

- Thực hiện đúng, kịp thời, chính xác và hiệu quả các tình huống sơ cứu, cấp cứu ban đầu.
- Quản lý nhân lực, trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách theo quy định.
- Theo dõi và đánh giá đúng tình trạng, ghi chép chính xác những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo bác sỹ kịp thời các diễn biến bất thường của người bệnh.
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh.
- Tư vấn và giáo dục sức khỏe hợp lý cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng.
- Sử dụng được một số phần mềm cơ bản để phục vụ công việc được giao.
- Đạt trình độ tối thiểu khung năng lực ngoại ngữ bậc 2/6, để sử dụng trong công việc chuyên môn trong những tình huống thực tế.

2.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc chủ động độc lập hoặc phối hợp hiệu quả làm việc theo nhóm đối với công việc được giao hoặc một số tình huống, vấn đề phức tạp trong điều kiện môi trường làm việc thay đổi.
- Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm theo sự phân công.
- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, quy chế chuyên môn, quy trình kỹ thuật, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xảy ra sai sót.
- Thận trọng, tỉ mỉ, nhanh nhẹ, dứt khoát, cảm thông, chia sẻ trong công việc.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của công việc điều dưỡng theo vị trí việc làm tại các cơ sở y tế công lập cũng như dân lập.

Có khả năng học tập nâng cao lên cử nhân, thạc sỹ điều dưỡng.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2715 giờ/110 tín chỉ.
- Số lượng môn học, mô đun: 38 (36 môn học và 02 mô đun).
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chung: 435 giờ/19 tín chỉ.
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 2280 giờ/91 tín chỉ.
- Khối lượng lý thuyết: 891/62 tín chỉ; thực hành, thực tập: 1728 giờ/48 tín chỉ; Kiểm tra: 96 giờ.

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề .

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Thực hiện các quy định về thực hành nghề và đạo đức nghề
2	NLCB-02	Áp dụng kiến thức về giải phẫu sinh lý
3	NLCB-03	Áp dụng kiến thức dược lý
4	NLCB-04	Sử dụng thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành
5	NLCB-05	Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định
6	NLCB-06	Lập kế hoạch tìm kiếm việc làm
7	NLCB-07	Tổ chức công việc
8	NLCB-08	Vệ sinh và an toàn
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
10	NLCL-01	Tiếp đón, hướng dẫn người bệnh đến thăm khám, vào viện, ra viện, chuyển khoa, chuyển viện
11	NLCL-02	Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh
12	NLCL-03	Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp
13	NLCL-04	Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh
14	NLCL-05	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành
15	NLCL-06	Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh
16	NLCL-07	Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng
17	NLCL-08	Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách
18	NLCL-09	Chăm sóc, theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo bác sĩ các diễn biến bất thường của người bệnh
19	NLCL-10	Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh
20	NLCL-11	Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng

III	Năng lực nâng cao	
21	NLNC-01	Quản lý điều dưỡng
22	NLNC-02	Nghiên cứu khoa học

6. Nội dung chương trình:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
MH 1	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 2	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 3	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 4	Giáo dục quốc phòng – An ninh	3	75	36	35	4
MH 5	Tin học	3	75	15	58	2
MH 6	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	91	2280	734	1473	73
II.1	Môn học cơ sở	27	465	293	160	12
MH 7	Giải phẫu - Sinh lý	4	75	44	30	1
MH 8	Vi sinh - Ký sinh trùng	3	45	32	12	1
MH 9	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	45	36	8	1
MH 10	Dược lý	3	60	29	30	1
MH 11	Tâm lý - Giáo dục sức khỏe	2	30	21	8	1
MH 12	Vệ sinh phòng bệnh	2	30	21	8	1
MH 13	Dinh dưỡng tiết chế	2	30	21	8	1
MH 14	Tổ chức - Quản lý y tế	2	30	29		1

MH 15	Tiếng Anh chuyên ngành	3	60	30	28	2
MH 16	Kiểm soát nhiễm khuẩn	3	60	30	28	2
II.2	<i>Môn học, mô đun chuyên môn</i>	61	1770	409	1301	60
MĐ 1	Điều dưỡng cơ bản 1	4	105	30	73	2
MĐ 2	Điều dưỡng cơ bản 2	4	105	30	73	2
MH 17	Thực tập điều dưỡng cơ bản 1&2	5	225		217	8
MH 18	Điều dưỡng nội khoa	4	60	51	8	1
MH 19	Thực tập Điều dưỡng nội khoa	2	90		86	4
MH 20	Điều dưỡng Ngoại khoa	4	60	51	8	1
MH 21	Thực tập Điều dưỡng ngoại khoa	2	90		86	4
MH 22	Điều dưỡng nhi khoa	3	45	36	8	1
MH 23	Thực tập Điều dưỡng nhi khoa	2	90		86	4
MH 24	Điều dưỡng Sản - Phụ khoa	3	45	36	8	1
MH 25	Thực tập Điều dưỡng Sản - Phụ khoa	2	90		86	4
MH 26	Sơ cấp cứu ban đầu	2	45	15	28	2
MH 27	Y học cổ truyền - PHCN	3	60	30	28	2
MH 28	Thực tập YHCT - PHCN	2	90		86	4
MH 29	Sức khỏe cộng đồng	2	30	29		1
MH 30	Thực tập sức khỏe cộng đồng	2	90		86	4
MH 31	Điều dưỡng Bệnh chuyên khoa	2	30	29	0	1
MH 32	Thực tập Điều dưỡng Bệnh chuyên khoa	2	90		86	4
MH 33	Điều dưỡng bệnh truyền nhiễm	3	45	36	8	1
MH 34	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	3	45	36	8	1
MH 35	Thực tập tốt nghiệp	5	240		232	8

II.3	<i>Môn học tự chọn, nâng cao</i>	3	45	32	12	1
MH 36.1	Quản lý Điều dưỡng	3	45	32	12	1
MH 36.2	Nghiên cứu khoa học	3	45	32	12	1
	Tổng cộng:	110	2715	891	1728	96

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

7.1. Hướng dẫn chung:

- Danh mục các môn học, mô đun và khối lượng kiến thức, kỹ năng quy định trong chương trình là quy định mức tối thiểu. Các môn học, mô đun chứa đựng nội dung kiến thức chủ yếu của mỗi chương trình bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

- Mỗi tín chỉ được quy định tối thiểu bằng:

+ 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;

+ 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn.

+ 45 - 60 giờ thực tập tại cơ sở.

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành (*thí nghiệm, thảo luận*)/tích hợp/thực tập là 60 phút.

7.2. Hướng dẫn áp dụng:

7.2.1. Tổ chức đào tạo:

- Các môn học chung: thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*phần thực hành trên máy tính của môn Tin học đảm bảo mỗi sinh viên mỗi máy*).

- Các môn học có tín chỉ lý thuyết: Được triển khai tại giảng đường cơ sở đào tạo hoặc học trực tuyến, giảng dạy theo giáo án lý thuyết (*các môn học, mô đun có cả phần học lý thuyết, thực hành, thực tập bắt buộc phải học phần lý thuyết trước, đến phần thực hành, đến phần thực tập*).

- Các môn học có tín chỉ thực hành: Chia nhóm sinh viên và triển khai tại các phòng thực hành, phòng khám đa khoa của Trường, giảng dạy theo giáo án thực hành.

- Các môn học thực tập: Tổ chức học tập tại cơ sở thực hành đáp ứng các quy định.

- Môn học Thực tập tốt nghiệp:

+ Tổ chức học tập tại cơ sở thực tập phù hợp với vị trí việc làm của sinh viên sau khi ra trường.

+ Tổ chức học tập sau khi sinh viên hoàn thành 35 môn học và 02 mô đun.

+ Nội dung: Sinh viên tiếp cận, tham gia thực hành và nâng cao kỹ năng tay nghề và phối hợp xử lý các tình huống phát sinh trong hoạt động nghề nghiệp.

7.2.2. Thời gian bố trí đào tạo:

- Học tại Trường: Từ 6 giờ 30 đến 22 giờ.

- Học thực tập tại cơ sở Y tế và thực tập tốt nghiệp:

Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 30 (*hoặc theo giờ làm việc của cơ sở Y tế đến thực tập*);

Bố trí mỗi tuần 6 ngày, từ thứ 2 đến thứ 7.

Thực hiện trực không bắt buộc: Nếu được giao trực thì thực hiện theo giờ trực, nhưng không quá 22 giờ.

7.2.3. Phương pháp đào tạo. Yêu cầu đặt ra về phương pháp đào tạo là:

- Giảm tải trình bày lý thuyết, tăng thực tế, thực tiễn và phương pháp cầm tay chỉ việc, nâng cao kỹ năng tay nghề, đạo đức y học và thích ứng được ngay các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

- Tăng cường và khuyến khích phương pháp dạy - học dựa vào bằng chứng, dựa trên vấn đề, dạy - học thực hành mô phỏng, thực tập bệnh viện theo phương thức năng lực thực hiện, tăng cường vai trò của giảng viên hướng dẫn thực hành, thực tập, tạo điều kiện cho sinh viên học thực hành theo quy trình nhằm nâng cao tính chủ động trong thực hành của sinh viên.

- Coi trọng việc phát huy tính tự chủ trong học tập của sinh viên.

- Tăng cường các phương tiện nghe, nhìn, phương pháp dạy học tích cực.

- Đảm bảo tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo, điều kiện phương tiện thiết bị dạy - học.

- Nâng cao kỹ năng tay nghề, tiếp cận và xử lý các tình huống lâm sàng thường gặp.

- Thực hiện giám sát, lượng giá, đánh giá, thi kết thúc môn học, mô đun theo đúng quy chế.

7.3. Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Thể dục, thể thao: Sau giờ nghỉ các buổi chiều hoặc các ngày nghỉ.

- Văn hóa, văn nghệ: Các ngày nghỉ hoặc buổi tối.

- Đọc sách, tài liệu tham khảo: Giờ hành chính, các ngày làm việc trong tuần.

- Các hoạt động đoàn thanh niên, Hội sinh viên: Giao lưu, sinh hoạt,...

- Tham quan, dã ngoại, hành trình về nguồn: Tối thiểu 01 lần/năm.

7.4. Đánh giá môn học, mô đun:

7.4.1. Kiểm tra (lượng giá quá trình đào tạo):

* Các môn học chung: Thực hiện theo hướng dẫn tại các thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, phần chưa quy định trong các thông tư này thực hiện theo các quy định chung như sau.

* Số bài kiểm tra quy định cho từng môn học, mô đun theo tín chỉ:

- Bằng hoặc dưới 3 tín chỉ: 01 bài kiểm tra thường xuyên; 01 bài kiểm tra định kỳ.

- 04 tín chỉ: 02 bài kiểm tra thường xuyên, 01 bài kiểm tra định kỳ.

- 05 tín chỉ: 02 bài kiểm tra thường xuyên, 02 bài kiểm tra định kỳ.

* Cách thức đánh giá môn học, mô đun:

- *Kiểm tra thường xuyên:*

+ Thời điểm kiểm tra: Do giảng viên giảng dạy môn học, mô đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình triển khai theo từng môn học, mô đun.

+ Hình thức: Do giảng viên thực hiện, nếu kiểm tra viết (*cho môn lý thuyết*) thời gian làm bài tối đa 30 phút.

- *Kiểm tra định kỳ:*

+ Thời điểm kiểm tra:

Số lượng 01 bài: hoàn thành trên 70% thời gian học của môn học, mô đun;

Số lượng 02 bài: Bài một hoàn thành trên 50% và bài hai hoàn thành trên 70% thời gian học của môn học, mô đun.

+ Hình thức: Viết từ 45 đến 60 phút; thực hành 15 phút/sinh viên, vấn đáp 30 phút/ sinh viên.

- Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

7.4.2. Thi kết thúc môn học, mô đun (lượng giá kết thúc):

- Điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô đun:

+ Người học được dự thi kết thúc môn học, mô đun phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình môn học, mô đun.

+ Có đủ các cột điểm kiểm tra và điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10.

- Thời điểm thi: Thi kết thúc môn học, mô đun được thực hiện khi hoàn thành khối lượng chương trình môn học, mô đun theo quy định; Khi đã có kết quả

thi kết thúc phải hoàn thành tổng kết môn học, mô đun; công bố và lưu trữ theo quy định.

- Số lần: Được tổ chức thực hiện không quá 02 lần.
- Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun:
 - + Thi viết: từ 60 đến 120 phút.
 - + Vấn đáp: 30 phút/sinh viên.
 - + Thực hành: 25-30 phút/sinh viên (*tùy theo quy trình thực hiện*).
 - + Bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập chuyên đề theo mẫu quy định.
- Điểm bài thi hết môn học, mô đun là trung bình cộng điểm của các giảng viên chấm thi theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân;
- Quy định đánh giá kết thúc môn học, mô đun được quy định cụ thể và chi tiết tại từng chương trình môn học, mô đun và quy định hiện hành về tổ chức kiểm tra/thi được Hiệu trưởng ban hành áp dụng tại Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị.

7.5. Điều kiện tốt nghiệp

- Tích lũy đủ 110 tín chỉ của 36 môn học và 02 mô đun của chương trình đào tạo ban hành và đủ thời gian đào tạo theo quy định;
 - Kết quả môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh đạt.
 - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,0 trở lên;
 - Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - Hoàn thành các yêu cầu bắt buộc khác theo quy định của chương trình.
- Sinh viên nào đầy đủ các điều kiện trên được Quyết định công nhận tốt nghiệp và ký Bằng tốt nghiệp.

7.6. Cấp bằng tốt nghiệp.

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức trao bằng tốt nghiệp cho người đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp đúng thời gian quy định.